

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU
QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/GT-VHG
"V/v: Giải trình chênh lệch
BCTC năm 2017 trước và sau kiểm
toán"

Quảng Nam; ngày 06 tháng 04 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

1/ Tổ chức niêm yết : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
2/ Tên giao dịch : QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
3/ Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Phú Sơn. Xã Ba. Huyện Đông Giang. Tỉnh Quảng Nam
4/ Điện thoại : (84) 235 3947234 Fax: (84) 235 3946333
5/ Mã chứng khoán : VHG

6/ Nội dung:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam giải trình chênh lệch trên BCTC năm 2017 trước và sau kiểm toán như sau :

TẠI BẢNG CDKT CÔNG TY MẸ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	Ghi chú
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	34.273.705.990	122.973.705.990	88.700.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	97.013.828.640	185.713.828.640	88.700.000.000	(1)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	607.112.261.264	528.783.075.450	(78.329.185.814)	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	108.500.000.000	-	(108.500.000.000)	(2)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	225.902.553.859	225.902.553.859	(3)
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(425.142.738.736)	(620.874.478.409)	(195.731.739.673)	(4)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	641.782.761.121	652.153.575.307	10.370.814.186	
I. Nợ ngắn hạn	310	28.657.926.653	49.857.926.653	21.200.000.000	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.999.387.410	41.199.387.410	21.200.000.000	(5)
I. Vốn chủ sở hữu	410	610.898.075.971	600.068.890.157	(10.829.185.814)	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(915.271.038.913)	(926.100.224.727)	(10.829.185.814)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	116.129.392.211	116.129.392.211	-	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.031.400.431.124)	(1.042.229.616.938)	(10.829.185.814)	(6)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	641.782.761.121	652.153.575.307	10.370.814.186	

TẠI BẢNG KQKD CÔNG TY MẸ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	954.807.544.687	965.636.730.501	10.829.185.814	(7)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	(1.026.757.496.001)	(1.037.586.681.815)	(10.829.185.814)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(1.031.400.431.124)	(1.042.229.616.938)	(10.829.185.814)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	(1.031.400.431.124)	(1.042.229.616.938)	(10.829.185.814)	

TẠI BẢNG CDKT HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	45.498.369.331	167.998.369.331	122.500.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	108.086.483.913	230.586.483.913	122.500.000.000	(8)
II. Tài sản cố định	220	257.634.175	87.428.731.312	87.171.097.137	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	257.634.175	87.428.731.312	87.171.097.137	(9)
- Nguyên giá	222	1.089.789.276	108.221.837.042	107.132.047.766	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(832.155.101)	(21.207.583.907)	(20.375.428.806)	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	172.137.718.129	47.254.014.308	(124.883.703.821)	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	172.137.718.129	47.254.014.308	(124.883.703.821)	(10)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	442.913.000.000	344.683.793.013	(98.229.206.987)	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	108.500.000.000	-	(108.500.000.000)	(11)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	334.413.000.000	516.915.553.859	182.502.553.859	(12)
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	(172.231.760.846)	(172.231.760.846)	(13)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	-	13.869.692.302	13.869.692.302	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	13.869.692.302	13.869.692.302	(14)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	669.651.814.095	670.079.692.726	427.878.631	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	132.401.237.980	149.091.820.661	16.690.582.682	
I. Nợ ngắn hạn	310	45.145.931.736	56.745.931.735	11.600.000.000	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	30.415.791.306	42.015.791.306	11.600.000.000	(15)
II. Nợ dài hạn	330	87.255.306.244	92.345.888.926	5.090.582.682	
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	85.028.547.747	90.119.130.429	5.090.582.682	(16)
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	537.250.576.115	520.987.872.065	(16.262.704.050)	
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	537.250.576.115	520.987.872.065	(16.262.704.050)	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.000.299.585.995)	(1.016.219.355.155)	(15.919.769.160)	(17)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	151.380.927.637	162.364.549.762	10.983.622.125	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.151.680.513.632)	(1.178.583.904.917)	(26.903.391.285)	
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	11.381.047.226	11.038.112.336	(342.934.890)	(18)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	669.651.814.095	670.079.692.726	427.878.631	

TẠI BẢNG KQKD HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	962.824.891.735	962.137.997.308	(686.894.427)	(19)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	63.294.593.681	87.137.458.063	23.842.864.382	(20)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	(1.035.019.384.055)	(1.058.175.354.010)	(23.155.969.955)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(1.079.705.326.326)	(1.102.861.296.281)	(23.155.969.955)	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	85.028.547.747	89.014.904.991	3.986.357.244	(21)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	(1.164.733.874.073)	(1.191.876.201.272)	(27.142.327.199)	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (61 = 60 - 62)	61	(1.151.680.563.632)	(1.178.583.904.917)	(26.903.341.285)	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(13.053.310.441)	(13.292.296.355)	(238.985.914)	

10038
CÔNG
CỔ P
HỮU T
QUẢN
GIẢN

Trong kỳ, có hoạt động đầu tư vào Công ty CP SX ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn với tổng giá trị 151,9 tỷ (đã trả 122,5 tỷ), trong đó: Công ty mẹ đầu tư 108,5 tỷ (đã trả 88,7 tỷ, còn phải trả 19,8 tỷ), Công ty con – Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam đầu tư 43,4 tỷ (đã trả 33,8 tỷ, còn phải trả 9,6 tỷ). Theo Kiểm toán, đến ngày 31/12/2017 việc xác nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành, nên chưa đủ điều kiện ghi nhận là Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (đối với khoản đầu tư từ Công ty con Mẹ) và Đầu góp vốn vào đơn vị khác (đối với khoản đầu tư từ Công ty con), và chuyển sang ghi nhận tại khoản Phải thu ngắn hạn khác. Điều này lý giải cho các chênh lệch (1), (2), (8), (11), và làm cho Phải trả ngắn hạn trên BCTC Mẹ giảm 19,8 tỷ, và trên BCTC Hợp nhất giảm $19,8 + 9,6 = 29,4$ tỷ (*)

Cũng trong kỳ, có hoạt động chuyển nhượng cổ phần Công ty CP BĐS Tây Hồ Tây, do sai sót về việc hạch toán nên kiểm toán đã điều chỉnh hoạt động chuyển nhượng này cho chính xác. Theo đó:

- Trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ ghi tăng Chi tiêu Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (do tỷ lệ sở hữu còn lại nhỏ hơn 20%) giá trị ghi sổ số cổ phần Công ty CP BĐS Tây Hồ Tây chưa bán trị giá 225.902.553.859 đồng (chênh lệch (3)). Theo đó làm giảm lỗ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (giảm Chi phí hoạt động tài chính) 184.902.553.858 đồng (**).
- Mặt khác, kiểm toán điều chỉnh tăng khoản Phải trả ngắn hạn trên BCTC Mẹ và Hợp nhất tương ứng thêm 41 tỷ đồng (***)

Kiểm toán trích lập bổ sung Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tổng trị giá 195.731.739.673 đồng (chênh lệch (4)), cụ thể tại các công ty như sau: Công ty CP BĐS Tây Hồ Tây 170.278.826.266, Công ty CP Khoáng Sản Quảng Nam 370.829.570 đồng, Công ty CP Công nghiệp cao su Quảng Nam 25.082.083.837 đồng. Khoản trích lập này khiến cho Chi phí tài chính tăng lên một khoản tương ứng 195.731.739.673 đồng (****). Khi thực hiện Hợp nhất BCTC, thực hiện các bút toán hợp nhất liên quan đến trích lập dự phòng thì khoản chênh lệch này còn 172.231.760.846 đồng (chênh lệch (13)).

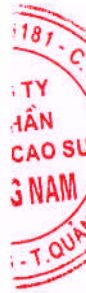
Việc tăng giảm Phải trả khác tại (*) và (***) tổng hợp lại sẽ lý giải cho (chênh lệch (5) và (15)).

Việc tăng giảm Chi phí hoạt động tài chính tại (**) và (****) cùng với Chi phí tài chính khác tăng thêm 38.654.076 đồng, tổng hợp lại khiến cho Chi phí tài chính tăng thêm 10.370.814.186 đồng (chênh lệch (7) và (6)).

Trên BCTC Hợp nhất, có điều chỉnh giảm của Kiểm toán phần Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tổng trị giá 124.883.703.821 đồng, trong đó: phần đã đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định hữu hình trị giá 107.132.047.766 đồng và tiến hành trích khấu hao trong kỳ số tiền 20.375.428.806; phần còn lại trị giá 17.337.177.878 đồng ghi nhận vào Chi phí trả trước dài hạn, và tiến hành phân bổ trong kỳ: 3.467.435.576 đồng, do đó số dư Chi phí trả trước dài hạn đến ngày 31/12/2017 còn 13.869.692.302 đồng. Theo đó, tổng chi phí được trích lập và phân bổ thêm trong kỳ là 23.842.864.382 đồng được ghi nhận tăng Chi phí quản lý doanh nghiệp. Đó là nguyên nhân các chênh lệch (9), (10), (14), (20)

Do chênh lệch (3) và khoản đầu tư của Công ty con – Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam đầu tư 43,4 tỷ vào Công ty CP SX ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn chưa được ghi nhận đầy đủ (như đã nêu ở phần đầu) nên tạo ra chênh lệch (12) ($225.902.553.859 - 43.400.000.000 = 182.502.553.859$ đồng)

Tổng hợp tất cả các điều chỉnh và chênh lệch trên, sẽ tạo ra và lý giải sự chênh lệch trên các chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế, sau thuế, Chi phí thuế TNDN hoãn lại (21), Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (16) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát và một số các chỉ tiêu tổng hợp khác trên Báo cáo tài chính Mẹ và Hợp nhất của Công ty.



Trên đây là giải trình chênh lệch trên BCTC mẹ và hợp nhất trước và sau kiểm toán, Công ty chúng tôi cam kết số liệu trên là đúng và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trên số liệu này.

Nơi gửi: - Như trên;
- Lưu VT;

